

Số: 22/2024/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 12 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng; hạn mức chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng; hạn mức chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 9 năm 2024 và thay thế Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hạn mức giao đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân đưa vào sử dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP; các đơn vị trực thuộc VP;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện

QUY ĐỊNH

Hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng; hạn mức chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(Kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, trong các trường hợp sau:

1. Hạn mức giao đất nông nghiệp xác định trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự khai hoang, không có tranh chấp nay được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, quyết định để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 5 Điều 176 Luật Đất đai.

3. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp cho cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 177 Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng; chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân.

2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Điều 3. Hạn mức giao đất nông nghiệp xác định trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự khai hoang, không có tranh chấp nay được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

1. Không quá 03ha đối với loại đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối.

2. Không quá 10ha đối với loại đất trồng cây lâu năm.

3. Không quá 30ha đối với đất rừng sản xuất là rừng trồng.

4. Hộ gia đình, cá nhân được giao nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối thì tổng hạn mức giao đất không quá 05ha.

Trường hợp được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 05ha; trường hợp được giao thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất không quá 25ha.

Điều 4. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, quyết định để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản

1. Hạn mức giao đất cụ thể như sau:

- a) Không quá 0,33ha đối với đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm.
- b) Không quá 1,27ha đối với đất nuôi trồng thủy sản.

2. Hạn mức giao đất quy định tại khoản 1 Điều này không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 176 Luật Đất đai.

Điều 5. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân

Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân không quá 15 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quy định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm như sau:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Quyết định này; hướng dẫn giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ nhận chuyển quyền đất nông nghiệp theo đúng hạn mức quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thực hiện như sau:

a) Kiểm tra, rà soát đất chưa sử dụng để có kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng tại địa phương vào hồ sơ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

b) Tiếp nhận, xem xét từng trường hợp cụ thể để giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp; hồ sơ xin giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch để sản xuất nông nghiệp theo hạn mức giao đất tại Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn giải quyết kịp thời; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.